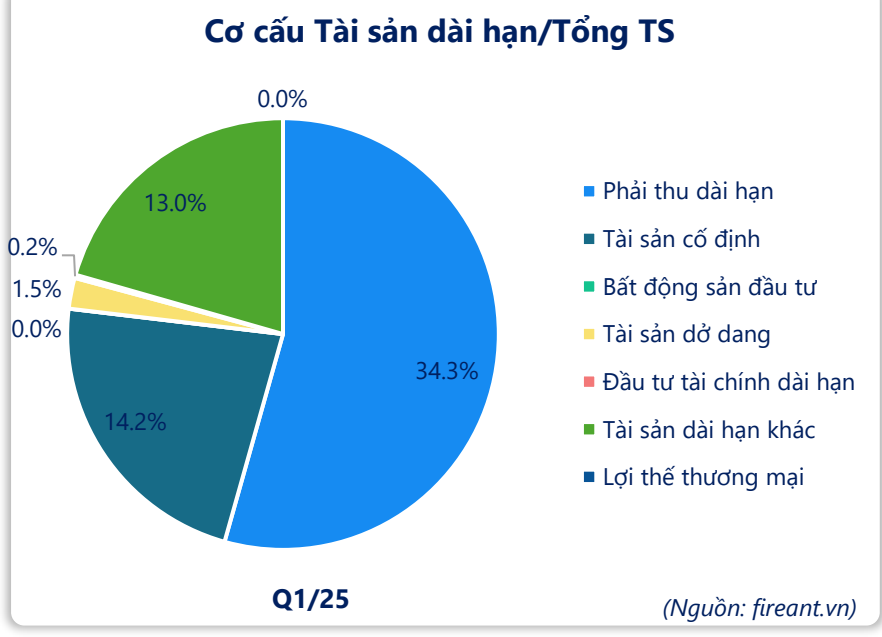
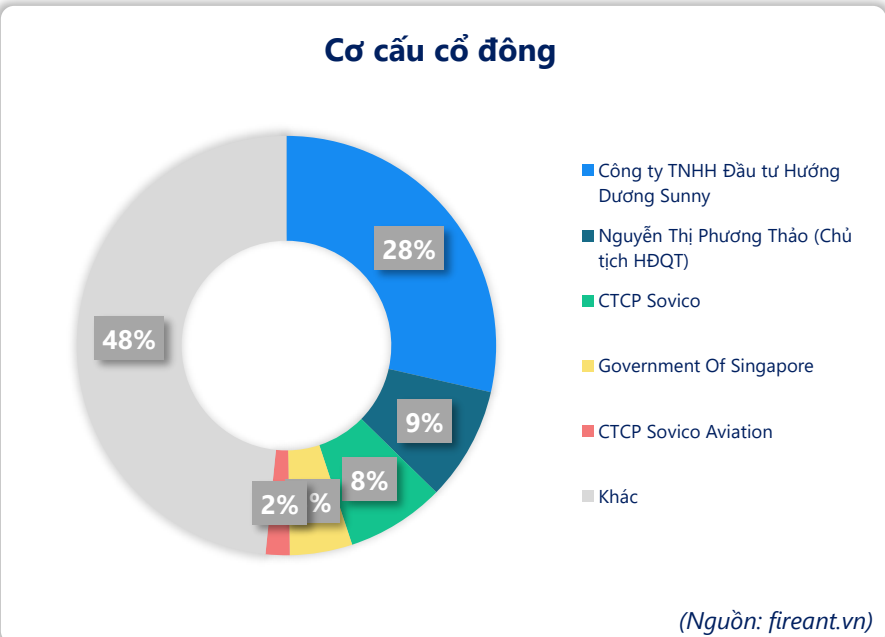
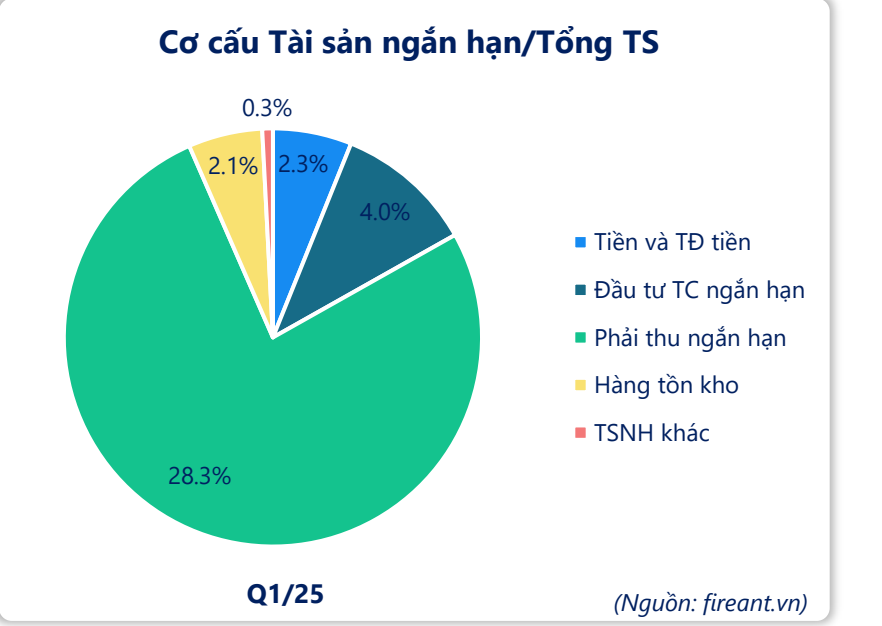
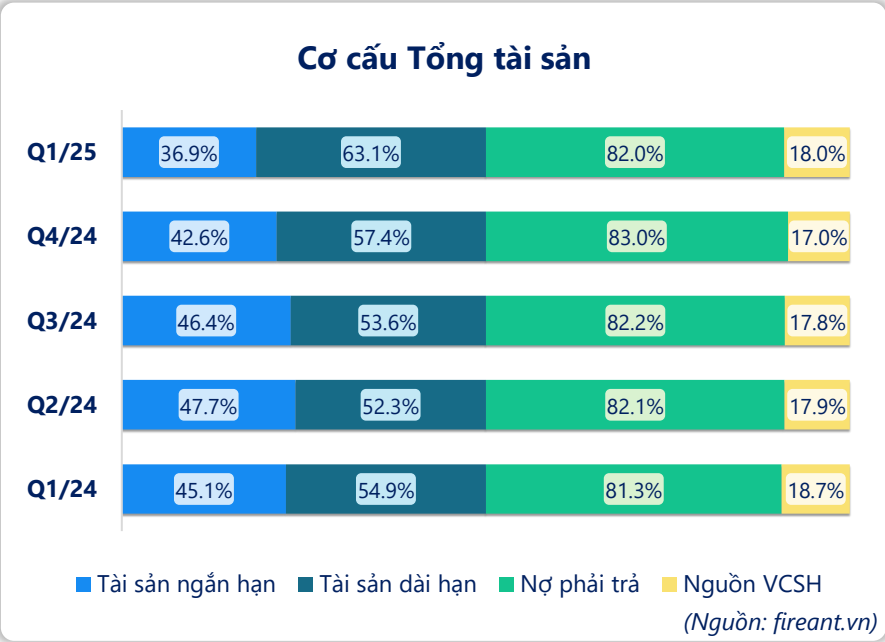
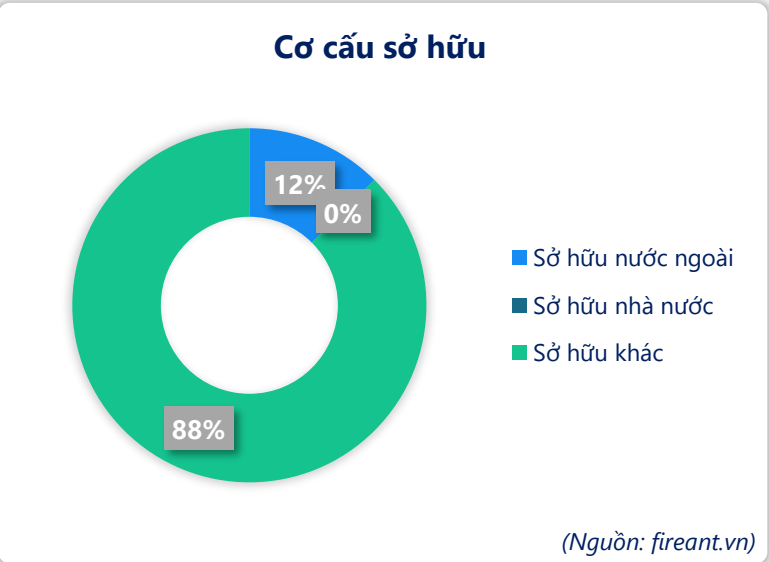
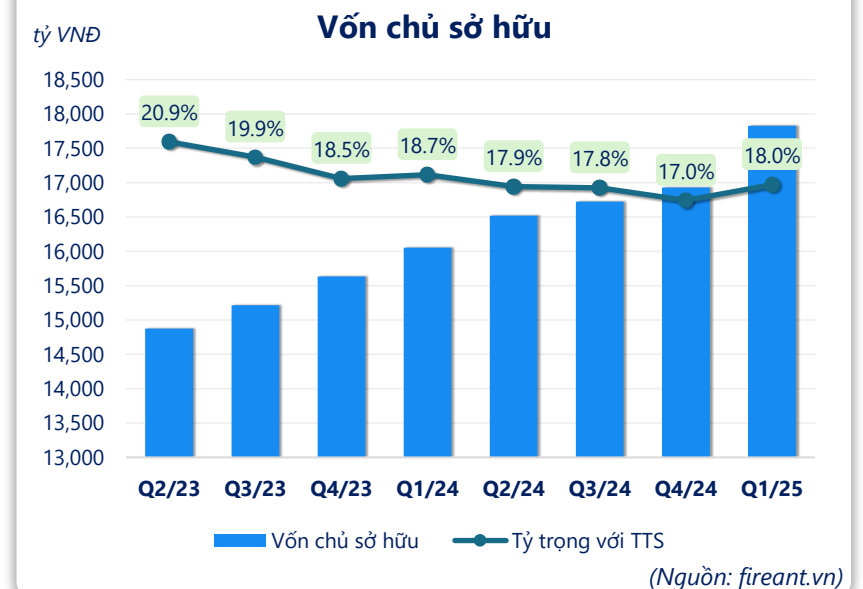
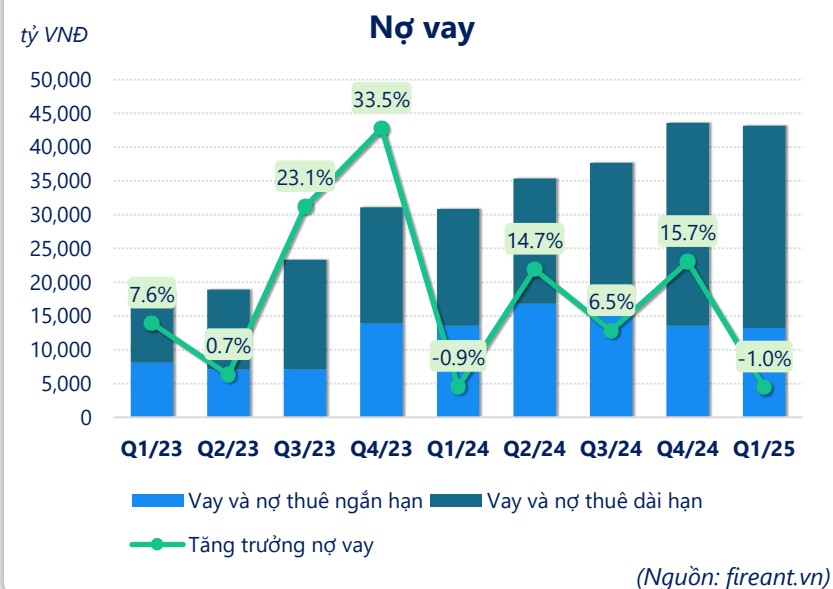
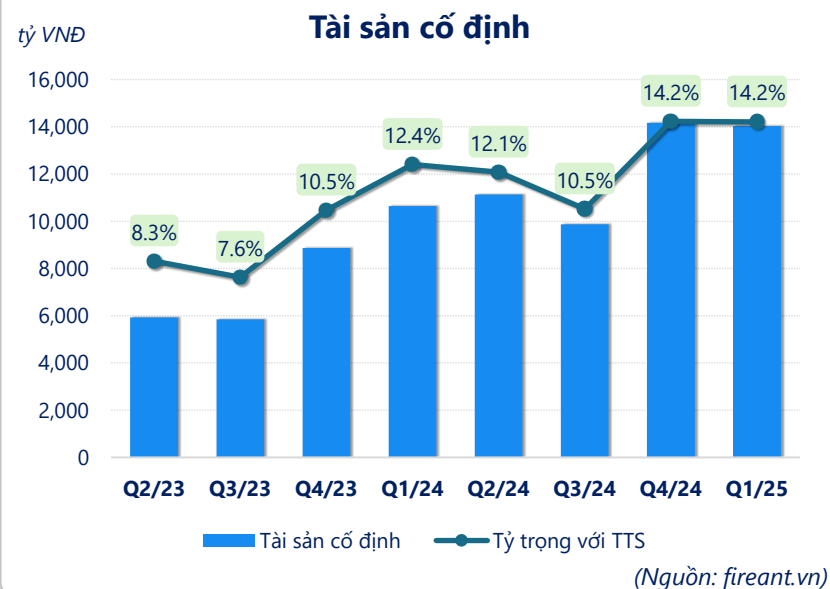
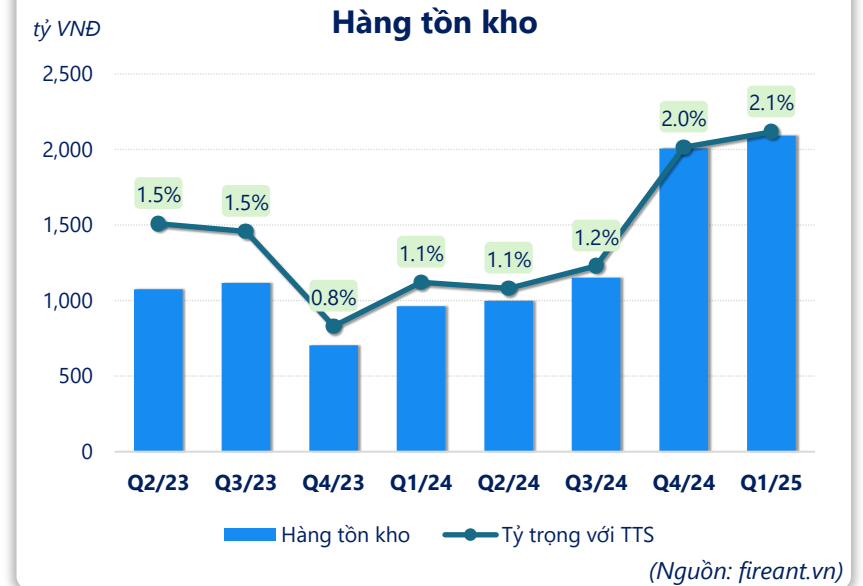
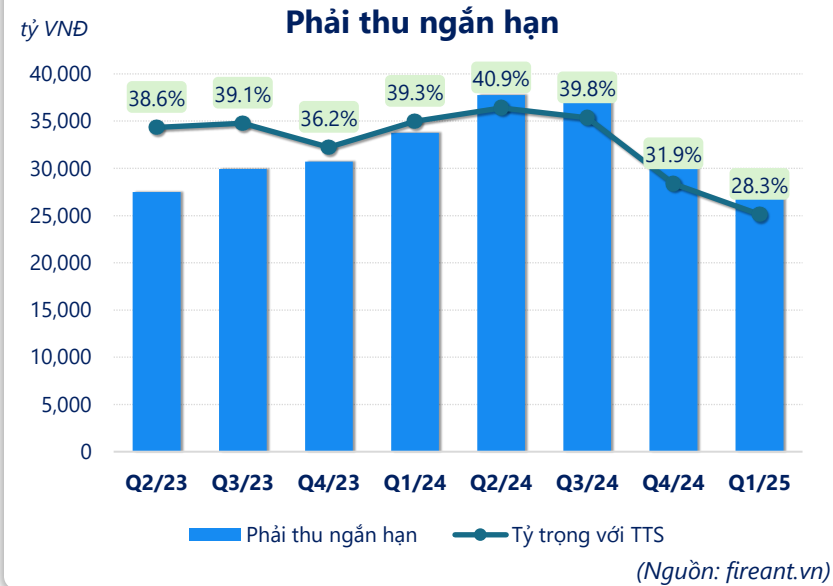
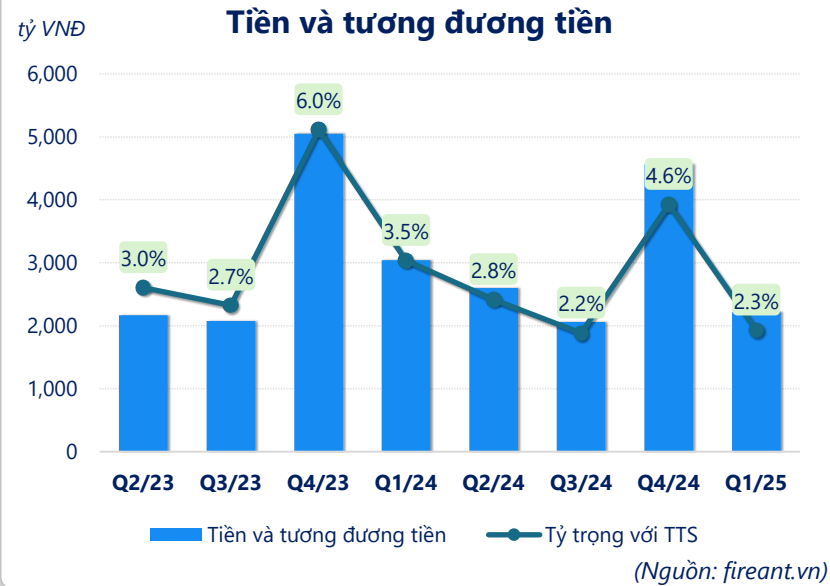
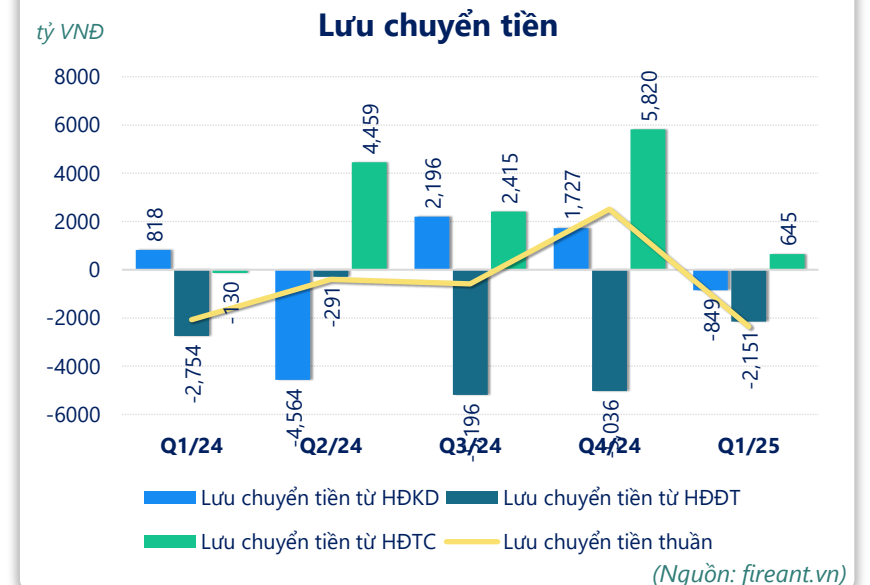
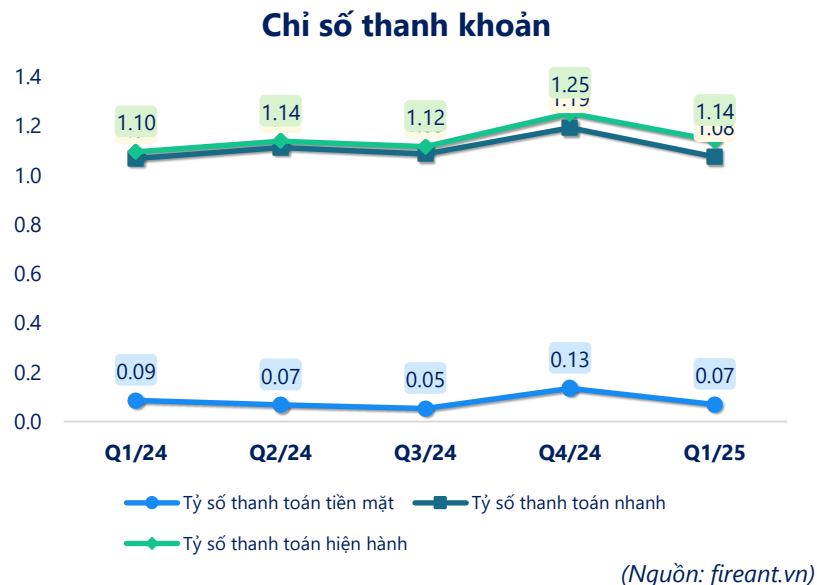
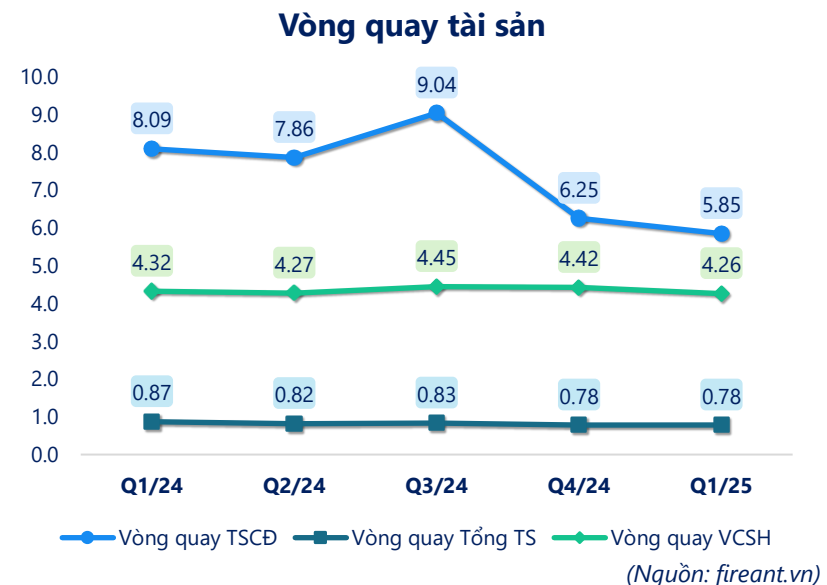
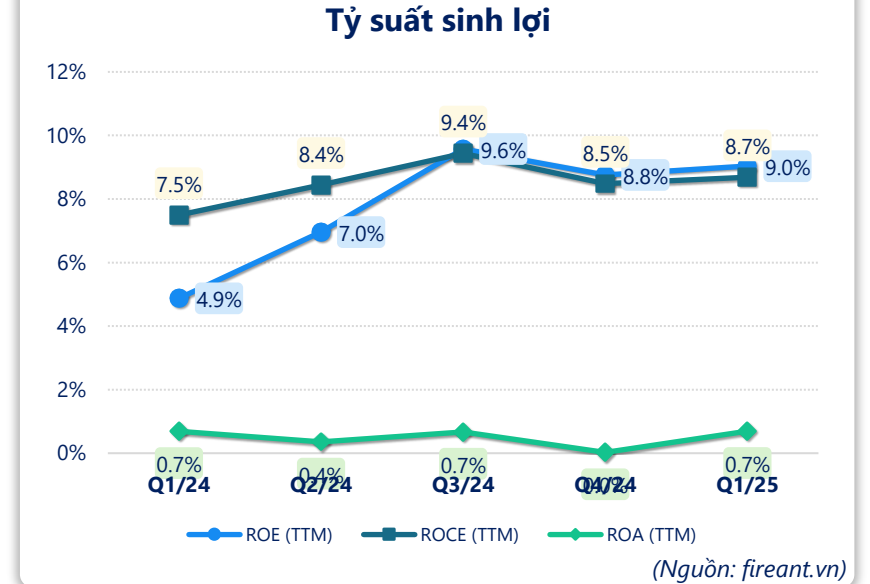
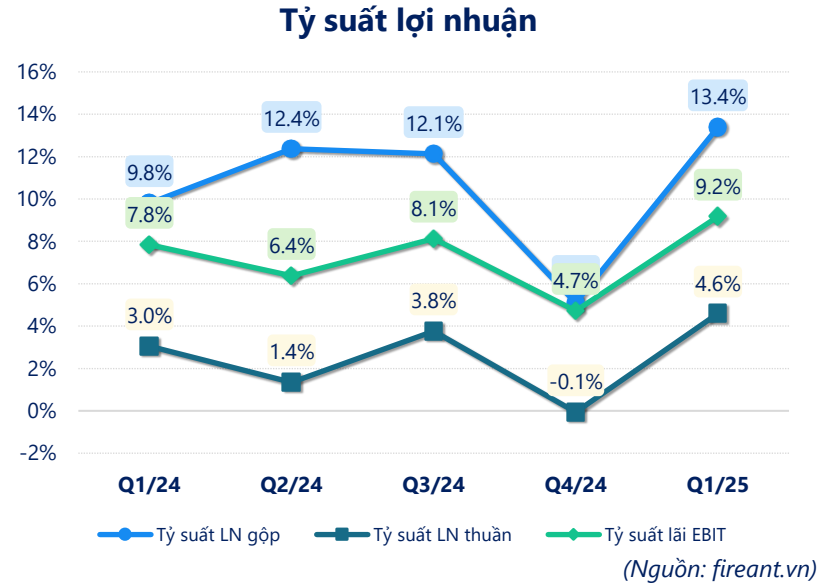
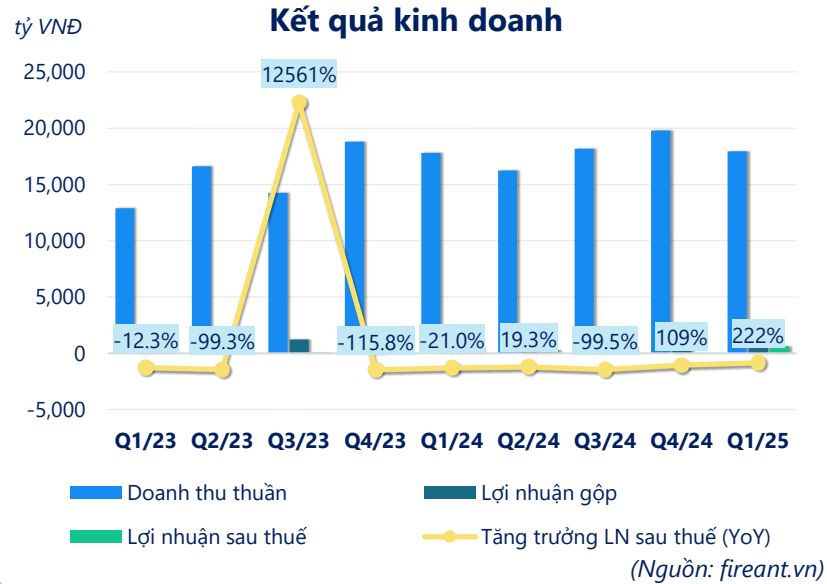


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		95,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		118,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		95,000
SL cổ phiếu LH		541,611,334
KLGD BQ 20 phiên (CP)		912,445
% sở hữu nước ngoài		12.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		51,453
P/E		33.6
EPS		2,825

	YTD	1T	3T	6T
VJC	-4.9%	-1.9%	-6.4%	-9.8%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	98,766	99,524	-0.8%
Tài sản ngắn hạn	36,446	42,389	-14.0%
Tiền và tương đương tiền	2,224	4,559	-51.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3,914	3,826	2.3%
Phải thu ngắn hạn	27,919	31,757	-12.1%
Hàng tồn kho	2,090	2,005	4.2%
Tài sản ngắn hạn khác	299	242	23.7%
Tài sản dài hạn	62,320	57,135	9.1%
Phải thu dài hạn	33,882	29,051	16.6%
Tài sản cố định	14,032	14,166	-0.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1,440	3,545	-59.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	149	149	0.0%
Tài sản dài hạn khác	12,817	10,223	25.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	80,939	82,594	-2.0%
Nợ ngắn hạn	31,945	33,853	-5.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	13,246	13,562	-2.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	6,312	6,195	1.9%
Nợ dài hạn	48,994	48,741	0.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	29,944	30,052	-0.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	17,827	16,930	5.3%
Vốn chủ sở hữu	17,827	16,930	5.3%
Vốn điều lệ	5,416	5,416	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	17,792	16,238	18,164	19,797	17,952
Giá vốn hàng bán	16,047	14,229	15,962	18,787	15,548
Lợi nhuận gộp	1,745	2,009	2,202	1,010	2,404
Doanh thu HĐTC	585	563	242	691	406
Chi phí TC	941	1,083	1,085	560	1,143
Chi phí lãi vay	719	710	717	826	810
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	657	600	695	645	568
Chi phí QLDN	190	669	-17.4	508	273
LN thuần từ HĐKD	542	219	682	-12.3	825
Lợi nhuận khác	134	105	78.2	121	11.1
LN trước thuế	676	324	760	108	836
Lợi nhuận sau thuế	539	295	571	21.4	641
LNST của CĐ cty mẹ	536	295	572	23.4	640

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	818	-4,564	2,196	1,727	-849
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2,754	-291	-5,196	-5,036	-2,151
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-130	4,459	2,415	5,820	645
Tiền đầu kỳ	5,051	3,041	2,598	2,061	4,559
Lưu chuyển tiền thuần	-2,066	-396	-584	2,512	-2,354
Ảnh hưởng tỷ giá	56.1	-47.4	47.4	-14.1	19.5
Tiền cuối kỳ	3,041	2,598	2,061	4,559	2,224

(Nguồn: fireant.vn)